

DANH SÁCH SINH VIÊN NĂM 4
NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2011-2012 - KHOA
VẬT LÝ

(Danh sách kèm theo Quyết định số
...../QĐ-ĐHSP ngày
...../...../2012)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐT BH	Xếp loại học tập rèn luyện	Mức	Số tiền
1	K34.102.002	Vũ AnhThịLan	02.12.90	4190	360.000	180.000	0.00
2	K34.102.010	Trư Châong uThịLinh	09.08.90	4190	360.000	180.000	0.00
3	K34.102.012	Hoà CõngThạch	02.11.08	1080	300.000	150.000	0.00
4	K34.102.025	Lưu HiệSp	10.04.08	1080	300.000	150.000	0.00
5	K34.102.032	Bùi MaiThị	14.12.90	9080	300.000	150.000	0.00
6	K34.102.037	NguNgânyễnNợcThanh	19.09.90	4180	300.000	150.000	0.00
7	K34.102.038	Trầ Nghĩn Hĩaông	12.02.90	1810	360.000	180.000	0.00
8	K34.102.040	Trầ NhiYến	16.07.89	4180	300.000	150.000	0.00
9	K34.102.044	Phạ Phátiển	20.04.90	4190	360.000	180.000	0.00
10	K34.102.050	NguPhurYếnớcLâ	28.09.90	1090	360.000	180.000	0.00

	m				
	Hữu				
11	K34 Vũ Thú	23. 9.4180	300.150		
	.102Thị y	06.	000 0.00		
	.067	90	0		
12	K34Đoà Xuâ	01. 9.4190	360.180		
	.102n n	01.	000 0.00		
	.086Thị	90	0		
	Ánh				
13	K34Ngu Hà	19. 9.3890	360.180		
	.105yễn	10.	000 0.00		
	.007Thị	90	0		
	Thá				
	i				
14	K34Lê Lợi	14. 9.6390	360.180		
	.105Hữu	03.	000 0.00		
	.016	90	0		
15	K34Ngu Nhà	12. 9.3884	300.150		
	.105yễn n	04.	000 0.00		
	.024Thị	89	0		
	Tha				
	nh				
16	K34Lê Nhu	25. 10.084	300.150		
	.105Thị ng	09. 0	000 0.00		
	.026Tô	89	0		
17	K34Ngu Tâ	12. 10.084	300.150		
	.105yễn m	07. 0	000 0.00		
	.030Thị	88	0		
	Tha				
	nh				
18	K34Hò Thô	13. 10.084	300.150		
	.105Thị ng	07. 0	000 0.00		
	.036	90	0		
19	K34Điề Yển	07. 9.3884	300.150		
	.105n	11.	000 0.00		
	.049Thị	90	0		
	Hải				